TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TT** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 101/2024/QĐST-DS	*TT, ngày 09 tháng 9 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 84/2023/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2023 về việc "*Tranh chấp về giao dịch dân sự*".

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1.1 Nguyên đơn: Chị Vũ Thị N, sinh năm 1977

Đăng ký HKTT: Tổ xxx, V, phường V, quận H, TP. H

Chỗ ở hiện tại: Pxxx, tòa N, Chung cư C, số xxx T, phường Y, quận C, TP. H

*** Người đại diện theo ủy quyền của chị Vũ Thị N:**

- Anh Mậu Xuân C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Số xxx, tổ xxx G, phường N, quận T, thành phố H

- Anh Nguyễn Đăng T, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện T, tỉnh B

1.2 Bị đơn:

1.2.1 Anh Phạm Hải G, sinh năm 1979

1.2.2 Chị Trần Thị Thu T, sinh năm 1982

Cùng địa chỉ: Đội xxx, xã T, huyện TT, thành phố H

*** Người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Hải G và chị Trần Thị Thu T**: Anh Lê Vũ Việt H, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số xxx đường P, phường X, quận N, thành phố H

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của anh Phạm Hải G và chị Trần Thị Thu T**: Công ty Luật TNHH Link Partners

Luật sư được cử tham giam bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh Phạm Hải G và chị Trần Thị Thu T: Luật sư Nguyễn Thị Hồng Linh

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị N đối với số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc mà chị Vũ Thị N yêu cầu anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T phải trả.

2.2. Chị Vũ Thị N và anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T thống nhất xác nhận, anh Phạm Hải G và chị Trần Thị Thu T phải thanh toán trả chị Vũ Thị N 1.722.000.000 đồng phát sinh theo các giao dịch do chị Vũ Thị N chuyển tiền cho anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T từ ngày 03/6/2019 đến ngày 20/10/2021. Nay, chị Vũ Thị N và anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T thống nhất, anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T chỉ phải thanh toán trả chị Vũ Thị N 1.500.000.000 đồng tiền nợ gốc.

2.3. *Về phương thức thanh toán:* Anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T có nghĩa vụ thanh toán trả chị Vũ Thị N theo trình tự thời gian sau:

2.3.1/ Chậm nhất đến ngày 30/9/2024, anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T phải trả chị Vũ Thị N số tiền 300.000.000 đồng;

2.3.2/ Chậm nhất đến ngày 30/12/2024, anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T phải trả chị Vũ Thị N số tiền 500.000.000 đồng;

2.3.3/ Chậm nhất đến ngày 30/4/2025, anh Phạm Hải G, chị Trần Thị Thu T phải trả chị Vũ Thị N số tiền 700.000.000 đồng;

2.4. Trường hợp, anh Phạm Hải G và chị Trần Thị Thu T vi phạm bất kỳ kỳ nghĩa vụ trả nợ nào được thỏa thuận tại mục 2.3 nêu trên thì chị Vũ Thị N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án buộc anh Phạm Hải G và chị Trần Thị Thu T phải thanh toán trả chị Vũ Thị N toàn bộ số tiền nợ còn lại chưa thanh toán.

2.5. Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.6. Về án phí: Anh Phạm Hải G và chị Trần Thị Thu T phải chịu 28.500.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả chị Vũ Thị N 41.104.000 đồng tiền tạm ứn án phí đã nộp theo biên lai số AA/2020/63909 ngày 21/9/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện TT.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Phương